VĂN BẢN HỢP NHẤT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 113 /2026/VBHN-TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thông tư số 38/2024/TT-NHNN ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 49/2026/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[1].

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thực hiện tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

---

[1] Thông tư số 49/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài."

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác* (sau đây gọi là *tư vấn*) là việc tổ chức tín dụng thực hiện một hoặc một số hoạt động, bao gồm thu thập, xử lý thông tin, vận dụng kiến thức chuyên môn, phát hiện vấn đề, đánh giá vấn đề để đề xuất giải pháp, phương án phù hợp với phạm vi hoạt động tư vấn quy định tại Điều 4 Thông tư này theo yêu cầu của khách hàng.

2. *Nhân viên tư vấn* là nhân viên của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn, được phân công, giao nhiệm vụ tư vấn trực tiếp cho khách hàng theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tư vấn.

3. *Khách hàng* là tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng khác) hoặc cá nhân sử dụng dịch vụ tư vấn của tổ chức tín dụng. Khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn của quỹ tín dụng nhân dân là các thành viên của quỹ tín dụng nhân dân đó.

4. *Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn* là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép trong đó có nội dung tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác.

Điều 4. Phạm vi hoạt động tư vấn

1. Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn chỉ được cung ứng dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng đó.

2. Giải pháp, phương án quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này phải được thực hiện bởi tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn hoặc tổ chức tín dụng khác phù hợp với phạm vi hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động tư vấn

Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn phải đảm bảo thực hiện các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động tư vấn do nhân viên tư vấn thực hiện và nội dung tư vấn.

2. Chịu trách nhiệm thực hiện giám sát việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và việc thực hiện hoạt động tư vấn của nhân viên tư vấn.

3. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan của hoạt động tư vấn.

4. Tuân thủ quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong quá trình cung ứng dịch vụ tư vấn trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản với khách hàng hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn có quyền tự chủ trong hoạt động tư vấn.

6. Việc thực hiện hoạt động tư vấn bằng phương tiện điện tử phải phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Quy định nội bộ

1.[2] Trên cơ sở quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, trước khi triển khai hoạt động tư vấn, tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn phải xây dựng quy định nội bộ về hoạt động tư vấn.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định nội bộ, tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn nộp trực tiếp hoặc gửi quy định nội bộ qua dịch vụ bưu chính về Ngân hàng Nhà nước như sau:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn là quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực gửi quy định nội bộ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đó;

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn là đối tượng giám sát an toàn vi mô của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng gửi quy định nội bộ cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

2. Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn về hoạt động tư vấn phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Quy trình tiếp nhận yêu cầu của khách hàng và ký hợp đồng dịch vụ tư vấn;

b) Quy trình thực hiện hoạt động tư vấn, bao gồm thu thập, xử lý thông tin, vận dụng kiến thức chuyên môn, phát hiện vấn đề, đánh giá vấn đề, đề xuất giải pháp, phương án phù hợp với phạm vi hoạt động tư vấn quy định tại Điều 4 Thông tư này; và quy trình quản lý rủi ro hoạt động tư vấn;

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 49/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

c) Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hoạt động tư vấn. Quy định nội bộ phải quy định rõ những việc nhân viên tư vấn được thực hiện, không được thực hiện trong quá trình tư vấn;

d) Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhân viên tư vấn theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và trách nhiệm thực hiện giám sát việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn;

đ) Quy định về đào tạo, tổ chức thực hiện đào tạo, kiểm tra, đánh giá chất lượng chuyên môn của nhân viên tư vấn định kỳ;

e) Quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan đến hoạt động tư vấn.

Điều 7. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhân viên tư vấn

1. Có hiểu biết chuyên môn về nội dung tư vấn cho khách hàng.

2. Trung thực, công bằng, cẩn trọng, liêm chính; không được cung cấp thông tin sai sự thật hoặc thông tin gây hiểu lầm về tính năng, đặc điểm, lợi ích của giao dịch được tư vấn.

3. Vì lợi ích của khách hàng; nội dung tư vấn đưa ra phù hợp với những thông tin do khách hàng cung cấp (nếu có) về tình hình, kiến thức tài chính, năng lực hành vi, hiểu biết xã hội, mục tiêu và nhu cầu tài chính của khách hàng.

4. Giữ an toàn, tách biệt tiền, tài sản của khách hàng tại tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn với giao dịch được tư vấn trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Không quyết định thay khách hàng hoặc tác động khách hàng đưa ra quyết định; không chuyển thông tin của khách hàng, thông tin liên quan đến hợp đồng tư vấn cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

6. Cảnh báo khách hàng về những rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện các giải pháp, phương án được tư vấn.

Điều 8. Tiếp xúc khách hàng

Trường hợp nhân viên tư vấn có ý định tư vấn cho khách hàng về một sản phẩm, dịch vụ, giao dịch khi chưa được khách hàng yêu cầu, nhân viên tư vấn phải thông báo và phải được khách hàng đồng ý trước khi thực hiện tư vấn.

Điều 9. Phí trong hoạt động tư vấn

Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn có quyền thu phí trong hoạt động tư vấn. Mức phí trong hoạt động tư vấn phải được niêm yết công khai và phải được ghi trong hợp đồng tư vấn.

Điều 10. Hợp đồng tư vấn

1. Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn và khách hàng phải thống nhất các thoả thuận và cam kết bằng hợp đồng tư vấn phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng tư vấn phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ, phương thức liên lạc khác (nếu có); người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn; tên, địa chỉ, phương thức liên lạc khác (nếu có) của khách hàng là tổ chức; tên, địa chỉ, số định danh cá nhân, phương thức liên lạc khác (nếu có) của khách hàng là cá nhân;

b) Mục tiêu, phạm vi tư vấn;

c) Phương thức thực hiện tư vấn;

d) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn;

đ) Quyền và nghĩa vụ của khách hàng;

e) Thời hạn thực hiện hợp đồng;

g) Phí trong hoạt động tư vấn và phương thức thanh toán;

h) Phương thức giải quyết tranh chấp;

i) Hiệu lực hợp đồng;

k) Thời hạn hợp đồng;

l) Thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bên khi vi phạm hợp đồng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tư vấn thực hiện theo thỏa thuận của các bên phù hợp với Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[3]

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức tín dụng đã được cấp Giấy phép hoạt động tư vấn ngân hàng, tài chính; tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính; tư vấn về ngân hàng, tài chính; tư vấn tài chính liên quan đến

---

[3] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 49/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./."

lĩnh vực tài chính vi mô theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 được tiếp tục thực hiện nghiệp vụ tư vấn theo quy định tại Thông tư này mà không phải đề nghị cấp lại Giấy phép cho đến khi sửa đổi, bổ sung hoặc cấp đổi Giấy phép.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện[4]

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2026

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng (để đăng trên Cổng thông tin điện tử NHNN VN);
- Lưu: VP, PC1.

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 49/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.